

Số: 204 /TB-UBND

Tân Châu, ngày 12 tháng 9 năm 2018

THÔNG BÁO
Kết quả điểm xét tuyển công chức cấp xã
năm 2018 huyện Tân Châu

Căn cứ Quyết định số 60/2012/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 27/4/2018 về việc xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 và các Thông báo điều chỉnh chỉ tiêu tuyển dụng công chức cấp xã năm 2018;

Theo Biên bản số 267 /BB-HĐXT ngày 11/9/2018 của Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2018;

Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu Thông báo kết quả điểm xét tuyển của các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 trên địa bàn huyện Tân Châu (kèm theo danh sách điểm xét tuyển của 38 thí sinh).

Thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử UBND huyện Tân Châu tại địa chỉ: <https://tanchau.tayninh.gov.vn>

Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện đăng tải nội dung Thông báo này trên cổng thông tin điện tử UBND huyện.

Giao Phòng Nội vụ, UBND các xã: Tân Hà, Tân Đông, Tân Hòa, Suối Ngô niêm yết kết quả điểm xét tuyển của các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 trên địa bàn huyện Tân Châu tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình để thí sinh biết, đề nghị phúc khảo (nếu có).

Thời gian nhận phúc khảo: **Từ ngày 13/9/2018 đến hết ngày 27/9/2018.**

Địa điểm nhận phúc khảo: Phòng Nội vụ huyện Tân Châu, địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (Khu vực trụ sở UBND huyện Tân Châu)

Lưu ý: Chỉ xem xét, giải quyết việc phúc khảo đối với thí sinh có đơn đề nghị phúc khảo được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện trong thời gian nêu trên (không thực hiện phúc khảo đối với điểm phỏng vấn).

Trên đây là Thông báo kết quả điểm xét tuyển của các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 trên địa bàn huyện Tân Châu. /.

Nơi nhận: ³

- VP. HĐND-UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- UBND các xã biên giới;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện.

CHỦ TỊCH



Tạ Châu Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Châu, ngày 12 tháng 9 năm 2018

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông báo số 204 /TB-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Điểm học tập		Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thang điểm 100	Hệ số 2	Thang điểm 100 (hệ số 1)	Thang điểm 100 (hệ số 1)				
I. XÃ TÂN ĐÔNG: TUYỂN DỤNG 03 CHỈ TIÊU											
CHỨC DANH CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH-NÔNG NGHIỆP-XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)											
1	Dương Đăng Duy	25/4/1995		69.74	139.48	85.00	86.25			310.73	
2	Nguyễn Thị Mỹ Hào		12/8/1994	68.13	136.26	80.00	88.00			304.26	
3	Nguyễn Ngô Trịnh Thùy Linh		25/8/1995	68.53	137.06	85.00	73.50			295.56	
4	Vương Đức Lợi	29/11/1993		62.71	125.42	80.00	78.50	Hoạt động không chuyển trách cấp xã trên 03 năm	10	293.92	
5	Nguyễn Hồng Thanh		20/7/1988	65.58	131.16	70.00	91.75			292.91	
6	Nguyễn Thị Kim Thoại		04/6/1995	72.47	144.94	70.00	76.50			291.44	
7	Nguyễn Quốc Chung	02/9/1976		57.32	114.64	72.00	73.75			260.39	
8	Nguyễn Thị Minh Thơ		09/02/1995	64.57	129.14	70.00	55.75			254.89	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh			Điểm học tập		Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Đổi tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Thang điểm 100	Hệ số 2	Thang điểm 100 (hệ số 1)	Thang điểm 100 (hệ số 1)				
9	Nguyễn Thành Tâm	04/01/1990			63.96	127.92	60.00	28.75	Hoàn thành nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong LLCAND	10	226.67	Vắng thi phần kiến thức chuyên ngành

CHỨC DANH CÔNG CHỨC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Huỳnh Thị Cẩm Loan		24/5/1990	77.35	154.70	92	70.00	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	326.70	
2	Nguyễn Thị Thanh Thúy		10/11/1990	67.50	135.00	67.5	0.00			202.50	Vắng thi

CHỨC DANH CÔNG CHỨC VĂN HÓA - XÃ HỘI (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Lê Thị Tím		05/01/1991	73.78	147.56	90.00	79.00			316.56	
2	Phan Thị Nhị		11/11/1987	70.44	140.88	57.50	56.00	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	264.38	
3	Hoàng Thị Yến		07/7/1991	68.38	136.76	76.50	36.00			249.26	

II. XÃ TÂN HÀ: TUYỂN DỤNG 03 CHỈ TIÊU

CHỨC DANH CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH-NÔNG NGHIỆP-XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Châu Tuấn Linh	01/01/1991		76.96	153.92	78.00	83.75			315.67	
2	Phạm Tấn Phát	13/6/1991		64.16	128.32	82.00	74.00			284.32	
3	Hoàng Đình Phúc	22/8/1988		61.00	122.00	63.00	81.00			266.00	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Điểm học tập		Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thang điểm 100	Hệ số 2		Thang điểm 100 (hệ số 1)	Thang điểm 100 (hệ số 1)				
4	Quách Huỳnh Kiều Diễm		25/9/1988	71.00	142.00	67.00	31.50				240.50	Vắng thi phần kiến thức chuyên ngành
5	Nguyễn Thị Mỹ Huyền		01/5/1994	72.48	144.96	67.50	0.00				212.46	Vắng thi

CHỨC DANH CÔNG CHỨC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Lê Thị Hồng Thụy		15/3/1985	64.90	129.80	75.00	71.25				276.05	
2	Lê Thị Quyên		09/8/1989	64.70	129.40	73.00	68.50				270.90	
3	Nguyễn Thị Huyền Trang		13/3/1989	59.50	119.00	50.00	48.00				217.00	

CHỨC DANH CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		04/4/1994	73.50	147.00	72.50	70.00				289.50	
---	---------------------	--	-----------	-------	--------	-------	-------	--	--	--	--------	--

III. XÃ SUỐI NGÔ: TUYỂN DỤNG 03 CHỈ TIÊU

CHỨC DANH CÔNG CHỨC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)

1	Phan Thị Thủy Hồng		18/1/1987	57.00	114.00	77.50	76.00				267.50	
2	Nguyễn Đình Hậu	24/2/1989		62.70	125.40	65.00	64.50				254.90	
3	Mã Thị Huệ		10/2/1994	80.57	161.14	65.30	0.00		Con thương binh	20	246.44	Vắng thi
4	Võ Kim Ngân		22/3/1992	65.87	131.74	55.00	0.00				186.74	Vắng thi

CHỨC DANH CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ (TUYỂN DỤNG 02 CHỈ TIÊU)

1	Trịnh Ngọc Hưng	26/3/1993		73.11	146.22	72.50	84.00				302.72	
2	Bùi Thị Nga		21/3/1993	66.33	132.66	80.70	55.00		Dân tộc Mường	20	288.36	
3	Nguyễn Trang Thái Ngân		20/10/1990	55.61	111.22	60.00	34.00				205.22	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Điểm học tập		Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thang điểm 100	Hệ số 2	Thang điểm 100 (hệ số 1)	Thang điểm 100 (hệ số 1)				
4	Nguyễn Văn Vóc	14/1/1976		57.74	115.48	60.00	0.00	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	185.48	Vắng thi

IV. XÃ TÂN HÒA: TUYỂN DỤNG 04 CHỈ TIÊU

CHỨC DANH CÔNG CHỨC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)											
1	Nguyễn Thị Mùi		18/3/1991	73.30	146.60	82.00	51.25			279.85	
2	Vũ Thị Thanh Thủy		11/4/1989	62.65	125.30	50.00	0.00	Con thương binh	20	195.30	Vắng thi

CHỨC DANH CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ (TUYỂN DỤNG 02 CHỈ TIÊU)											
1	Trần Thị Hải Hằng		27/5/1993	64.00	128.00	80.00	85.00			293.00	
2	Phạm Thị Lê		12/01/1988	55.28	110.56	50.00	79.50	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	250.06	
3	Phạm Hồng Minh	10/10/1991		55.61	111.22	55.00	73.50	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	249.72	

CHỨC DANH CÔNG CHỨC VĂN HÓA - XÃ HỘI (TUYỂN DỤNG 01 CHỈ TIÊU)											
1	Nguyễn Văn Ngưỡng	03/9/1990		67.13	134.26	85.00	83.00			302.26	
2	Đào Thanh An	29/10/1984		57.74	115.48	55.00	86.00	Hoạt động không chuyên trách cấp xã trên 03 năm	10	266.48	